TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2023/DS-ST
Ngày 14-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý

2. Bà Bùi Diệu Huệ

Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trương Hoài Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 3432022DS ngày 24112022về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2023/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S(S1)

Địa chỉ: số L, 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D;

Đại diện theo ủy quyền: Công Ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản ngân hàng S (Công ty S2);

Đại diện theo pháp luật của công ty: ông Lê Ngọc T.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Trường T1 (văn bản ủy quyền số 550/2022/UQ-TGĐ ngày 28/10/2022).

Địa chỉ liên lạc: số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: bàĐào Thị Khiết Mẫnsinh năm 1964

Địa chỉ: 8 L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Trường T1 trình bày:

Ngày 01/3/2018, bà Đào Thị Khiết M có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), với hạn mức 50.000.000 đồng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 49.500.000 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.160.000 đồng, sau đó không thanh toán nữa.

Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 01/9/2018 S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/7/2023, bà M còn nợ các khoản sau: nợ gốc 55.108.697 đồng; lãi quá hạn: 122.479.308 đồng. Tổng cộng: 177.588.005 (một trăm bảy bảy triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, không trăm không năm) đồng.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Tân buộc bà Đào Thị Khiết M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/7/2023 là 177.588.005 (một trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, không trăm không năm) đồng. Trong đó, nợ gốc: 55.108.697 đồng; lãi quá hạn: 122.479.308 đồng. Bà Đào Thị Kim M1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/7/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông Phạm Trường T1 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S3 Tíncó đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 và giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu theo quy định khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ các điều Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Thẩm quyền giải quyết: bị đoncư trú tại số H L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về tố tụng: bàĐào Thị Khiết Mẫnđược Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bàĐào Thị Khiết Mẫnvắng mặt không lý do chính đáng; ông Phạm Trường T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3]. Nội dung tranh chấp:

[3.1] Ngân hàng TMCP S4 bàĐào Thị Khiết Mẫnthanh toán tổng số tiền gốc 55.108.697 (năm mươi lăm triệu, một trăm lẻ tám nghìn, sáu trăm chín mươi bảy) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về chủ thể, Ngân hàng TMCP S5 cách pháp nhân, hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, bàĐào Thị Khiết Mẫnđủ năng lực hành vi dân sự, các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản tuân theo quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 01/3/2018 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng thương mại cổ phần S; bảng sao kê giao dịch thẻ tín dụng; thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Ngân hàng TMCP S và các tài liệu khác mà Ngân hàng đã cung cấp có cơ sở xác định bà M1 có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, sau khi được cấp thẻ bà M1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 49.500.000 đồng (thẻ số 356481-3765). 50

Quá trình sử dụng thẻ, bà M1 đã thanh toán được 4.160.000 đồng. Theo thỏa thuận tại mục 2 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều kiện và điều khoản

phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng giữa Ngân hàng (sau đây gọi là bản điều khoản) và bà M1 đã thỏa thuận *"... thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do việc sử dụng thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo quy định của pháp luật……."*. Bà M1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 01/9/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại mục 23 của bản điều khoản. Nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền 49.500.000 đồng và các khoản phí, lãi sang dư nợ gốc với số tiền tổng cộng là 55.108.697 đồng. Cho đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền này nên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 55.108.697 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu trả nợ lãi: do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc nên nguyên đơn đã áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại mục 23 của bản điều khoản với mức lãi suất là 150% lãi suất trong hạn. Thỏa thuận này phù hợp theo quy định Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Nguyên đơn đã cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trong hạn và lãi quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với thời hạn vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 122.479.308 (một trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm lẻ tám) đồng.

[4]. Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí: bàĐào Thị Khiết Mẫnphải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền nợ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S3 TínMERGEFIELD "Nguyên_Đơn" Ngân hàng TMCP S6 phải chịu án phí, được hoàn lại tiền án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S

Buộc bàĐào Thị Khiết Mẫncó trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S7 số tiền tạm tính đến ngày 14/7/2023 là 177.588.005 (một trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, không trăm không năm) đồng. Trong đó, nợ gốc: 55.108.697 đồng; lãi quá hạn: 122.479.308 đồng phát sinh từ Giấy đề nghị

cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/3/2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/8/2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bàĐào Thị Khiết Mẫnphải chịu 8.879.400 (tám triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S8 là 3.911.000 (ba triệu, chín trăm mười một nghìn) đồngtheo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 10076 ngày 22/11/2022của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Bình Tân;
- THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Gấm